



*Chịu trách nhiệm xuất bản*

**LÊ VĂN TOÀN**

Giám đốc Sở Tư pháp

★★★

*Trưởng Ban biên tập:*

**TRƯƠNG ĐÌNH HY**

Phó Giám đốc Sở Tư pháp

★★

*Biên tập viên:*

**TRẦN MINH HỒNG**

**HỒ MỸ NGỌC CHÂN**

**NGUYỄN NGỌC HIỀN**

**TÔ THỊ CẨM**

★

*Trình bày:*

**BAN BIÊN TẬP**

In 5.000 bản

Khổ 19 x 27 (cm)

32 trang (cả bìa)

In tại Công ty In Nhân Dân

Bình Định - 339 - 341

Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn.

ĐT: 0256.3822810

Giấy phép xuất bản

số 03/GP-XBBT do

Sở Thông tin và Truyền thông

cấp ngày 25/02/2019

Ảnh bìa 1:

Tượng đài Quang Trung

Đào Tiến Đạt

# BẢN TIN

**SỐ 6/2019**

## MỤC LỤC

### **I/ HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

- ❖ Các cấp Hội Phụ nữ trong tỉnh học và làm theo gương Bác 2

### **II/ HOẠT ĐỘNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

- ❖ Phát huy vai trò tư vấn, tham mưu thực hiện công tác... 3
- ❖ Ngày Pháp luật năm 2019 được thực hiện với nhiều... 5
- ❖ Chú trọng công tác hòa giải ở cơ sở 7
- ❖ Tăng cường tuyên truyền chính sách pháp luật... 8

### **III/ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC TƯ PHÁP**

- ❖ Những kết quả nổi bật trong công tác tư pháp... 10
- ❖ Đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và cải cách tư pháp 12
- ❖ Kết quả hơn 03 năm triển khai Luật Ban hành văn bản... 13
- ❖ Thực hiện quy chế dân chủ gắn với cải cách hành chính 15
- ❖ Hiệu quả từ mô hình họ đạo không có tội phạm và tệ nạn xã hội 17

### **IV/ NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI**

- ❖ Biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi... 18
- ❖ Một số bất cập của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP... 20
- ❖ Bàn về biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm... 21

### **V/ TÌM HIỂU PHÁP LUẬT**

- ❖ Một số điểm mới của nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ ... 23
- ❖ Cấm công khai bản án tình dục người dưới 18 tuổi 24
- ❖ Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ... 25
- ❖ Triển khai Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học... 26
- ❖ Tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện 27

### **VI/ BẠN HỎI BAN BIÊN TẬP TRẢ LỜI**

28

*Tin, bài viết xin gửi về: Ban biên tập Bản tin Tư pháp Bình Định  
Địa chỉ: 139 Lê Lợi, Tp. Quy Nhơn, (ĐT: 0256.3826500)  
Email: bantintuphapbinhdinh@gmail.com*

# CÁC CẤP HỘI PHỤ NỮ TRONG TỈNH HỌC VÀ LÀM THEO GƯƠNG BÁC

**T**riển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (viết tắt là Chỉ thị số 05-CT/TW) trên địa bàn tỉnh, thời gian qua, các cấp Hội Phụ nữ trong tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành việc làm thường xuyên của mỗi cán bộ, hội viên phụ nữ.

Theo thống kê của Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) tỉnh, trong 03 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, Hội Phụ nữ các cấp, nhất là cấp cơ sở đã đăng ký và thực hiện hiệu quả mô hình tiết kiệm theo gương Bác gắn với an sinh xã hội bằng nhiều hình thức như: Tiết kiệm tương trợ, góp công, đổi công... Kết quả, đã có 521.063 lượt hội viên phụ nữ tham gia tiết kiệm tại 1.132/1.132 chi hội phụ nữ, với số tiền huy động được 113 tỷ 091 triệu đồng, đã trích 50 tỷ 774 triệu đồng để giúp đỡ, hỗ trợ cho 50.686 hội viên phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, cho vay/mượn vốn không tính lãi, lãi suất thấp để đầu tư sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt, buôn bán nhỏ nhằm phát triển kinh tế và giải quyết khó khăn trong gia đình, ổn định cuộc sống... Qua đó, hàng năm đã có 9.762 phụ nữ nghèo làm chủ hộ được giúp, có 2.075 hộ thoát nghèo; vận động xây dựng 66 mái ấm tình thương, sửa chữa 682 nhà với tổng số tiền 6 tỷ 430 triệu đồng.

Từ những việc làm thiết thực, ý nghĩa đã xuất hiện nhiều mô



*Các gương mặt phụ nữ tiêu biểu tham gia buổi giao lưu  
"Phụ nữ tiêu biểu làm theo gương Bác"*

hình hay, cá nhân điển hình năng động, sáng tạo, vượt qua thách thức, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tại Hội nghị biểu dương phụ nữ tiêu biểu làm theo gương Bác do Hội LHPN tỉnh tổ chức có 09/50 gương mặt phụ nữ tiêu biểu được chọn để giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm trong việc học tập và làm theo gương Bác, nhất là kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ và các mô hình tiết kiệm góp vốn giúp nhau, liên kết hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường. Đó là các chị: Huỳnh Thị Bích Loan, Chủ tịch Hội LHPN xã Phước An (Tuy Phước); Hoàng Thị Thành, Chủ tịch Hội LHPN phường Ngô Mây (Quy Nhơn); Trần Thị Bình, Chi hội trưởng Chi hội An Nội, xã Vĩnh Thịnh (Vĩnh Thạnh); Nguyễn Thị Hoa, Chủ tịch Hội LHPN xã An Hòa (An Lão); Nguyễn Thị Minh Thế, Chủ tịch Hội LHPN xã Ân Tín

(Hoài Ân); Đỗ Thị Mộng Kiều, Chi hội trưởng Chi hội Long Quang, phường Nhơn Hòa (An Nhơn); Đinh Y Mon, Phó Chủ tịch Hội LHPN xã Vĩnh An (Tây Sơn); Trần Thị Khuyên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện Hoài Ân; Trần Thị Đỡ, Tổ trưởng Phụ nữ thôn Lộ Diêu, xã Hoài Mỹ (Hoài Nhơn).

Có thể nói, phong trào thi đua phụ nữ làm theo gương Bác đã tạo chuyển biến rõ nét, làm cho việc làm theo thực sự trở thành việc làm hàng ngày trong mỗi gia đình có phụ nữ. Tin tưởng trong thời gian đến, việc học tập và làm theo Bác tiếp tục được thực hiện để lan tỏa và nhân rộng nhiều hơn những mô hình thực hành tiết kiệm hỗ trợ giảm nghèo bền vững; phấn đấu làm kinh tế giỏi, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, giúp đỡ người già neo đơn, người gặp hoạn nạn, khó khăn, trẻ mồ côi, người tàn tật...□

# Các cơ quan thành viên Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh: PHÁT HUY VAI TRÒ TƯ VẤN, THAM MƯU THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT NĂM 2019

M.C

Cùng với việc triển khai các nhiệm vụ công tác chuyên môn theo Kế hoạch được giao, trong năm 2019, các cơ quan thành viên Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) tỉnh đã tư vấn, tham mưu cho các cấp ủy, chính quyền thực hiện nhiệm vụ PBGDPL đạt nhiều kết quả đáng kể; góp phần đưa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đi vào thực tiễn đời sống của các tầng lớp Nhân dân.

Thực hiện Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh Bình Định, ngay từ đầu năm, các cơ quan thành viên Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh đã chủ động ban hành Kế hoạch PBGDPL tại cơ quan, đơn vị mình; đồng thời, thực hiện nhiệm vụ tư vấn, tham mưu UBND tỉnh ban hành hàng trăm văn bản để chỉ đạo, lãnh đạo và tổ chức triển khai thực hiện công tác PBGDPL trên địa bàn toàn tỉnh. Riêng cơ quan thường trực của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh (Sở Tư pháp) đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 13 Quyết định, 11 Kế hoạch và 03 Công văn; Giám đốc Sở Tư pháp đã ban hành 19 Văn bản để hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh theo nhiệm vụ được phân công. Các cơ quan thành viên Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh theo chức năng nhiệm vụ của mình cũng đã kịp thời tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo cơ quan, UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn, định hướng và tổ chức thực hiện công tác PBGDPL tại cơ quan và trên địa bàn tỉnh.

Nội dung và hình thức PBGDPL được các cơ quan thành viên Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh chú trọng đổi mới phù hợp với đối



*Cuộc thi Tìm hiểu pháp luật về nghĩa vụ quân sự được Sở Tư pháp tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức, thu hút đông đảo cán bộ, chiến sĩ, dân quân trong lực lượng vũ trang, đoàn viên thanh niên và nhân dân tham gia cổ vũ*

tượng, địa bàn. Đơn cử như **Sở Tư pháp**, trong năm 2019 đã tham mưu UBND tỉnh tổ chức Cuộc thi “Hòa giải viên giỏi” và Cuộc thi Tìm hiểu pháp luật về nghĩa vụ quân sự bằng hình thức sân khấu hóa; tổ chức Hội nghị tập huấn cho gần 300 báo cáo viên pháp luật trên địa bàn tỉnh; tổ chức 03 đợt Ngày hội “Công dân với pháp luật” để phổ biến pháp luật và trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật; tổ chức 03 lớp tập huấn kiến thức pháp luật và nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho 556 hòa giải viên trên địa bàn 03 huyện: Tây Sơn, Phù Cát và Hoài Nhơn; tổ chức 154 cuộc trợ giúp pháp lý lưu động có lồng ghép tuyên truyền phổ biến pháp luật cho 5.348 lượt người tại các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, ven biển; biên soạn và phát hành 5.000 cuốn Hỏi - đáp pháp luật về tố cáo và 30.000 cuốn Bản tin Tư pháp; 5.200 Tờ gấp pháp luật về tổ

chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; 5.000 cuốn Hỏi - đáp pháp luật về tố tụng dân sự; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định xây dựng 12 số Tạp chí truyền hình “Pháp luật và đời sống”. Đặc biệt, hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2019, Sở Tư pháp đã thực hiện xã hội hóa thông qua việc huy động được 40 triệu đồng từ 10 tổ chức doanh nghiệp để thực hiện treo 15 pano và 180 phướn và 05 băng rôn tuyên truyền Ngày Pháp luật năm 2019.

Các cơ quan thành viên là ngành đặc thù như Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, trong năm 2019, **Công an tỉnh** đã xây dựng 124 phóng sự, viết 70 tin, bài, cung cấp 116 lượt tin; tổ chức tuyên truyền trực tiếp 87 lượt với 43.760 người dân tham gia; ▶

► mở 06 lớp tập huấn các kiến thức an toàn giao thông và chuyên đề trật tự an toàn giao thông cho hơn 700 người; 03 lớp tuyên truyền cho 263 đối tượng cá biệt; 30 lượt tuyên truyền lưu động tại 14 địa bàn dân cư; 05 hội thi dưới hình thức “Rung chuông vàng” thu hút 800 lượt người tham gia; xây dựng 15 phóng sự, viết 55 tin, cung cấp 62 lượt tin, bài cảnh báo hành vi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, các bất cập từ đường ngang giao cắt với đường sắt. **Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh** đã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức 185 buổi tuyên truyền, PBGDPL liên quan đến lĩnh vực quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia cho 19.021 lượt cán bộ, Nhân dân; củng cố và duy trì 520 Tổ tự quản an ninh trật tự với 8.759 thành viên, 609 Tổ tàu thuyền an toàn với 2.556 tàu/16.910 thuyền viên, 01 bến bãi an toàn với 286 tàu/2.965 người; phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho 01 lớp đối tượng 3 với 77 đồng chí học viên; phối hợp với Công an tỉnh bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho 06 lớp đối tượng 4 với gần 600 học viên; biên soạn và phát hành 12.000 cuốn sổ tay pháp luật; cấp phát 330 sách pháp luật, 5.569 tờ rơi, 105 đĩa DVD tuyên truyền, PBGDPL cho cán bộ và Nhân dân.

Đối với các tổ chức đoàn thể như Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Đoàn Thanh niên CSHCM tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh,... trong năm 2019, **Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh** đã phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức bình đẳng giới cho gần 500 hội viên phụ nữ tại các xã thuộc 3 huyện: Phù Mỹ, Vân Canh, An Lão; tổ chức 05 lớp tập huấn về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình cho 150 người là cán bộ Hội cấp xã, chi hội trưởng, tổ trưởng tổ phụ nữ, Bí thư chi bộ thôn, trưởng thôn/làng; tổ chức 02 hội thi nâng cao nhận thức



*Cuộc thi “Công đoàn Việt Nam - Niềm tin người lao động” do Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức bằng hình thức gameshow*

bình đẳng giới cho hội viên phụ nữ tại 02 huyện: Phù Cát, Phù Mỹ; chỉ đạo, hướng dẫn Hội Liên hiệp Phụ nữ các huyện Tuy Phước, Phù Cát, Quy Nhơn, Hoài Ân, Hoài Nhơn tổ chức 23 Hội thi “Phụ nữ tìm hiểu kiến thức pháp luật” thu hút hơn 1.560 hội viên, phụ nữ và Nhân dân tham gia. **Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh** đã tổ chức 237 buổi tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật cho hơn 18.350 đoàn viên, thanh niên (ĐVTN), học sinh; tổ chức 19 phiên tòa giả định, 38 Hội thi tìm hiểu pháp luật. Tổ chức “Ngày hội Thanh niên văn hóa giao thông” thu hút sự tham gia của 650 ĐVTN, học sinh, sinh viên. Phối hợp với Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh tổ chức Diễn đàn truyền thông phòng, chống HIV/AIDS thu hút 400 ĐVTN, học sinh tham gia; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức Hội thi tìm hiểu kiến thức về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới thu hút sự tham gia của 500 ĐVTN; tổ chức Hội thi tuyên truyền Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá trong sinh viên thu hút 1.000 ĐVTN, sinh viên... **Liên đoàn Lao động tỉnh** tổ chức 05 Hội thi với hình thức gameshow để tuyên truyền, phổ biến pháp luật về: Lao động, Luật Công đoàn, Luật Bảo hiểm

xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tự nguyện; phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh và Liên đoàn Lao động huyện Hoài Ân, huyện Vĩnh Thạnh tổ chức Hội thi tìm hiểu kiến thức pháp luật về Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, Luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tự nguyện, công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng, chống tội phạm và ma túy; phòng, chống bạo lực gia đình, mua bán người; chỉ đạo Trung tâm Tư vấn pháp luật Công đoàn Bình Định thực hiện tư vấn 68 vụ việc...

Với những hoạt động trên cho thấy, công tác PBGDPL năm 2019 được các cơ quan thành viên Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh quan tâm, tổ chức triển khai thực hiện với hình thức, nội dung đa dạng, phong phú, thu hút được sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Hy vọng thời gian đến, các cơ quan thành viên Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh tiếp tục phát huy vai trò tham mưu, tư vấn; tích cực phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người để công tác PBGDPL được tổ chức bằng nhiều hình thức, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. □

# NGÀY PHÁP LUẬT NĂM 2019 ĐƯỢC THỰC HIỆN VỚI NHIỀU NỘI DUNG MỚI

✍ Ngọc Chân

**N**gày Pháp luật là một mô hình nhằm đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và ban đầu nó được tổ chức với tính chất là một ngày sinh hoạt pháp luật tập trung để cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật. Khi Luật PBGDPL ra đời, Ngày Pháp luật đã chính thức được thể chế hóa với quy định tại Điều 8: “Ngày 09/11 hằng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Từ đó, trong cả nước nói chung và trên địa bàn tỉnh Bình Định nói riêng, Ngày Pháp luật đã được triển khai thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất và thật sự là ngày hội toàn dân thượng tôn Hiến pháp, pháp luật.

Khác với những năm trước đây khi các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật được tổ chức trong thời gian 02 tháng (từ ngày 01/10 đến hết ngày 30/11), năm 2019, hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật được xác định và tổ chức thường xuyên, liên tục, là việc làm hàng ngày của mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, cán bộ, công chức, viên chức và người dân. Thời gian cao điểm để tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật không chỉ là tập trung trong 01 tuần mà được kéo dài trong vòng 01 tháng bắt đầu từ ngày 10/10 đến ngày 10/11. Nội dung của các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật năm 2019 cũng không được xác định theo chủ đề, chủ điểm cụ thể mà đa dạng, phong phú và có phạm vi rộng hơn.

Triển khai thực hiện những nội dung định hướng mới trong Ngày Pháp luật năm 2019, trên địa bàn tỉnh nhiều hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật đã



Vòng sơ khảo Cạnh thi số 2 Cuộc thi Tìm hiểu pháp luật về nghĩa vụ được tổ chức tại huyện Tây Sơn

được tổ chức thực hiện ở tất cả các cấp, các ngành với nhiều hoạt động sôi nổi, tích cực:

Tiêu biểu có thể kể đến các hoạt động: Tập huấn cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, phóng viên, biên tập viên báo chí viết về pháp luật của các cơ quan thông tấn báo chí; giảng viên, giáo viên môn pháp luật, giáo dục công dân ở các trường đại học, cao đẳng, trung học phổ thông; tổ chức 02 Cuộc thi: “Hòa giải viên giỏi” năm 2019 và thi Tìm hiểu pháp luật về nghĩa vụ quân sự dưới hình thức sân khấu hóa, biên soạn và phát hành 30.000 cuốn Bản tin tư pháp; 15.200 tài liệu tuyên truyền pháp luật dưới dạng Hỏi - đáp pháp luật và Tờ gấp pháp luật; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định xây dựng 12 Tạp chí truyền hình “Pháp luật và đời sống”, trong đó có chuyên đề về Ngày Pháp luật năm 2019 trên địa bàn tỉnh; tổ chức 20 đợt trợ giúp pháp lý và tư vấn pháp luật, cấp phát tờ gấp pháp luật (về khuyết tật; phòng, chống bạo lực gia đình; hôn nhân và gia đình...) cho Nhân dân các xã bãi ngang, ven biển,

vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh hay tiếp tục thực hiện xã hội hóa, huy động 10 doanh nghiệp để thực hiện treo 15 pano và 180 phướn và 05 băng rôn tuyên truyền, truyền thông Ngày Pháp luật năm 2019 tại các tuyến đường trung tâm thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và các huyện: Tuy Phước, Phù Cát, Hoài Nhơn của Sở Tư pháp.

Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh cũng đã chỉ đạo, hướng dẫn các Đồn Biên phòng tổ chức 08 hội nghị, tọa đàm, diễn đàn, đối thoại pháp luật với hơn 287 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia; tổ chức 01 hội nghị thông tin, tuyên truyền về tình hình biển đảo tại huyện Phù Cát có hơn 180 hội viên phụ nữ và Nhân dân trên địa bàn tham dự. Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức 50 hội nghị tuyên truyền, PBGDPL và 02 hội thi tìm hiểu pháp luật trong công nhân, viên chức, người lao động. Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm Bình Định tổ chức tọa đàm, trao đổi và hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho

các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức và cá nhân có sử dụng lao động tại thị xã An Nhơn và các huyện: Tây Sơn, Phù Mỹ, Hoài Nhơn; phối hợp với VTV8 - Huệ tổ chức chương trình truyền hình thực tế “Chuyến xe buýt kỳ thú” tuyên truyền chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;...

Ở cấp huyện, các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật cũng diễn ra sôi nổi không kém. Hội đồng Phối hợp PBGDPL TP. Quy Nhơn tổ chức Hội nghị tập huấn, tuyên truyền công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, mua bán người cho 200 lượt cán bộ chủ chốt của thành phố và các phường, xã; cán bộ, công chức làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội của các phường, xã và các chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ massage, karaoke, cho thuê lưu trú; tổ chức 04 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho 410 học viên là giáo viên các trường trung học cơ sở, tiểu học và mầm non, công chức, viên chức thành phố và cán bộ bán chuyên trách các phường, xã; In, cấp phát hơn 300 tập tài liệu PBGDPL đến các phòng, ban, đơn vị, hội, đoàn thể thành phố, UBND các phường, xã để tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức, hội viên và Nhân dân bằng các hình thức phù hợp.

Hội đồng Phối hợp PBGDPL thị xã An Nhơn tổ chức 02 Hội nghị phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng có 437 người là cán bộ, công chức, viên chức thị xã và các xã, phường tham dự. Hội đồng Phối hợp PBGDPL huyện Vĩnh Thạnh tổ chức Hội thi “Chung tay xây dựng nông thôn mới”, Hội thi “Hòa giải viên giỏi ở cơ sở”; mở chuyên mục truyền thanh về “Ngày Pháp luật Việt Nam”,...

Từ các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật được tổ chức trong năm 2019 cho thấy, Ngày Pháp luật không chỉ dừng lại ở sự tôn vinh, mà quan trọng hơn, nó có ý nghĩa giáo dục sâu sắc trong việc đề cao giá trị của pháp



*Truyền thông về Ngày Pháp luật dưới hình thức pano trên đường Tây Sơn, TP. Quy Nhơn*

luật trong nhà nước pháp quyền. Các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật đã hướng các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xã hội có hành vi, thái độ xử sự đúng pháp luật. Đồng thời, đây cũng thật sự là dịp để các cơ quan nhà nước tổ chức cao điểm các hoạt động PBGDPL cho cộng đồng với những cách thức khác nhau; là cơ hội để các cơ quan nhà nước nhìn nhận, đánh giá lại những kết quả đã đạt được và những hạn chế trong chuỗi các hoạt động xây dựng, phổ biến và thực thi pháp luật. Với các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật mang tính đối thoại, trao đổi, các cơ quan nhà nước, những người thi hành pháp luật cũng tiếp nhận được những thông tin phản hồi, đánh giá về các quy định pháp luật cũng như cách thức thực hiện, hiệu quả của hệ

thống pháp luật đối với thực tiễn đời sống xã hội; từ đó có thể đề xuất các giải pháp để ngày càng hoàn thiện hệ thống pháp luật của nước ta.

Với những kết quả mang lại từ sự đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật năm 2019, hy vọng trong những năm tiếp theo Ngày Pháp luật sẽ không chỉ là ngày truyền thống, ngày kỷ niệm được tổ chức đều đặn hàng năm mà sẽ là điểm mốc, là sợi chỉ kết nối, xuyên suốt, có sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng xã hội nhắc nhở, giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật, để không chỉ là một ngày, mà là 365 ngày Nhân dân, tổ chức, cơ quan tôn trọng, nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật theo khẩu hiệu “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”. □

## Huyện Tây Sơn:

CHÚ TRỌNG CÔNG TÁC  
HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

✍ Phong Thủy



Quang cảnh Hội nghị phổ biến pháp luật hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ hòa giải viên huyện Tây Sơn do Sở Tư pháp tổ chức năm 2014 (Ảnh M.C)

Những năm qua, công tác hòa giải ở cơ sở luôn được các cấp, các ngành của huyện Tây Sơn quan tâm, xem đây là một trọng tâm trong những nhiệm vụ trọng tâm trong việc giải quyết những mâu thuẫn ở địa phương. Qua đó, đại bộ phận người dân đều ý thức, hạn chế được những tranh chấp không đáng có, góp phần giữ gìn tình làng, nghĩa xóm trong cộng đồng dân cư, giảm thiểu tối đa việc khiếu kiện vượt cấp, kéo dài.

Hiện nay toàn huyện có 76 khối, thôn, làng, với 77 tổ hòa giải, 589 hòa giải viên. Trong đó, điển hình là xã Tây Bình và Bình Nghi với mô hình tổ hòa giải được thành lập ở từng xóm. Hàng năm, các tổ hòa giải trong huyện đã tiếp nhận, hòa giải thành đạt từ 81,1% trở

lên các vụ việc đưa ra hòa giải.

Có được kết quả trên là do mạng lưới tổ hòa giải cơ sở của huyện được thành lập rộng khắp; quản lý nhà nước về hòa giải từ huyện đến cơ sở được quan tâm chỉ đạo, thường xuyên củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động. Các hòa giải viên được tập huấn nghiệp vụ và cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành thông qua việc tổ chức triển khai luật tại các hội nghị, tài liệu trong tủ sách pháp luật ở địa phương... Tuy nhiên, hiện nay công tác hòa giải cơ sở ở huyện vẫn còn tồn tại một số khó khăn nhất định, như đội ngũ cán bộ làm công tác hòa giải với các công việc khác nhau nên thường không có nhiều thời gian, thường xuyên phải làm việc vào ngày

nghỉ hoặc buổi tối để tiếp cận đối tượng hòa giải; chính sách đối với cán bộ làm công tác hòa giải còn nhiều bất cập; việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hòa giải đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, trong khi xã hội phát triển, các mối quan hệ, làm ăn càng trở nên đa dạng, phức tạp, dễ nảy sinh mâu thuẫn...

Tìm hiểu thực tế về công tác hòa giải ở xã Bình Nghi, ông Trương Minh Phụng, công chức Tư pháp - Hộ tịch xã cho chúng tôi biết: Hiện tại xã có 7 tổ hòa giải ở 7 thôn bao gồm 56 thành viên. Tham gia công tác ở tổ hòa giải hầu hết là những cán bộ có kinh nghiệm trong công tác và có trách nhiệm đối với công việc. Điều đáng nói ở đây là ngày cũng như đêm, khi có tin báo xảy ra mâu thuẫn ở bất kỳ gia đình, địa điểm nào, các thành viên tổ hòa giải đều có mặt kịp thời, nắm bắt nguyên nhân để có biện pháp thuyết phục, vận động 2 bên tránh để xảy ra xô xát hay mâu thuẫn lớn.

Công tác hòa giải ở cơ sở đòi hỏi phải tốn nhiều thời gian công sức, nhưng thù lao lại chẳng đáng là bao, thế mà những cán bộ của tổ hòa giải các thôn ở xã Bình Tường không quản ngại khó khăn đến từng gia đình, gặp từng đối tượng để giải quyết một cách thấu tình đạt lý. Điển hình trong công tác hòa giải phải kể đến tổ hòa giải ở thôn Hoà Sơn, xã Bình Tường. Ông Nguyễn Văn Tình, Tổ trưởng Tổ hòa giải cho biết: Hiện trong thôn có trên 500 hộ dân với trên 2.000 nhân khẩu, hàng năm tổ hòa giải tiếp nhận trên 15 vụ, việc mâu thuẫn, trong đó hòa giải thành trên 85% vụ, việc.

(Xem tiếp trang 9)

## Huyện Hoài Nhơn:

# TĂNG CƯỜNG TUYÊN TRUYỀN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ KHAI THÁC HẢI SẢN CHO NGƯ DÂN

✎ *Ánh Nguyệt*

*Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong công tác tuyên truyền, vận động ngư dân đánh bắt hải sản không xâm phạm lãnh hải nước ngoài, tuy nhiên, từ đầu năm 2019 đến nay toàn huyện Hoài Nhơn vẫn có 7 tàu cá với 55 ngư dân của huyện đánh bắt xâm phạm vùng biển nước ngoài bị bắt giữ, nhiều tàu hành nghề không có giấy tờ hoặc không đủ chuẩn để khai thác xa bờ. Trước tình hình trên, huyện Hoài Nhơn tăng cường tuyên truyền chính sách pháp luật về khai thác hải sản cho ngư dân đồng thời với việc tăng tần suất kiểm tra và xử phạt theo quy định đối với các tàu cá vi phạm.*

**T**heo Nghị định số 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 16/5/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 05/7/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, chủ tàu cá sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên, khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc quyền quản lý của tổ chức nghề cá khu vực mà không có giấy phép hoặc giấy phép hết hạn hoặc không có giấy chấp thuận hoặc giấy chấp thuận hết hạn sẽ bị phạt tiền từ 800 triệu đồng đến 1 tỷ đồng. Các tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 24m mà vi phạm khai thác không phép như trên thì chủ tàu cá sẽ chịu mức phạt tiền từ 300 đến 700 triệu đồng.

Để giúp ngư dân nắm bắt được các chính sách pháp luật liên quan đến việc khai thác và đánh bắt hải sản, hạn chế vi phạm và để không bị xử phạt nặng, 9 tháng đầu năm 2019, các cơ quan liên quan ở huyện Hoài Nhơn đã tổ chức 12 buổi tuyên truyền Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một



*Lãnh đạo huyện Hoài Nhơn họp với các địa phương tìm giải pháp hạn chế ngư dân xâm phạm lãnh hải nước ngoài*

số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, Luật Thủy sản năm 2017, Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ bằng những hình thức phong phú đa dạng cho trên 4.000 lượt chủ tàu, thuyền trưởng cũng như cấp phát trên

2.000 bản đồ vùng khai thác cho các chủ tàu xa bờ.

Bên cạnh đó, huyện đã lắp đặt 4 cụm pano tuyên truyền nội dung về 14 hành vi khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định. Đặc biệt, thông qua các buổi tuyên truyền, UBND các xã đã tổ chức cho 1.950 chủ tàu, thuyền trưởng ký cam kết không vi phạm lãnh hải các



► nước để khai thác hải sản, đạt gần 98%.

Riêng đối với 5 tàu vi phạm trong năm 2019, huyện đang đề nghị UBND tỉnh thu hồi 650 triệu đồng tiền hỗ trợ nhiên liệu và rút giấy phép khai thác thủy sản cũng như kiểm điểm, xử phạt vi phạm hành chính đối với 5 thuyền trưởng, mỗi người 85 triệu đồng. Ngoài ra, đối với các địa phương cũng thực hiện kiểm điểm lãnh đạo địa phương để xảy ra tình trạng ngư dân xâm phạm lãnh hải nước ngoài.

Song song với việc tuyên truyền, vận động ngư dân khai thác không xâm phạm lãnh hải nước ngoài, để giám sát hành trình các tàu cá khai thác trên biển, huyện Hoài Nhơn cũng

đã rà soát các phương tiện khai thác hải sản có chiều dài từ 15m trở lên để vận động ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định của Luật Thủy sản năm 2017.

Theo đó, hiện nay toàn huyện có 1.994 tàu khai thác hải sản có chiều dài từ 15 mét trở lên, trong đó tàu cá có chiều dài từ 24m trở lên có 46 chiếc đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đạt 100%, gần 1.290 tàu cá ngư đại dương sẽ hoàn tất lắp đặt vào ngày 01/01/2020 và trên 660 tàu cá khác hoàn tất lắp đặt thiết bị định vị vào ngày 01/4/2020.

Trong gần 2 năm kể từ khi thủy sản Việt Nam bị Ủy ban

châu Âu (EC) rút “thẻ vàng”, huyện Hoài Nhơn đã có nhiều nỗ lực triển khai nhiều biện pháp nhằm gỡ “thẻ vàng” cho thủy sản Việt Nam cùng với các ngành của tỉnh, Trung ương. Tuy nhiên, đến nay nhiều vấn đề mà Ủy ban châu Âu khuyến nghị vẫn chưa được khắc phục, trong đó đáng lo ngại là việc ngư dân trên địa bàn huyện vẫn khai thác thủy sản xâm phạm lãnh hải nước ngoài. Do đó, trong thời gian đến cùng với việc tuyên truyền vận động Nhân dân tuân thủ chính sách pháp luật trong khai thác hải sản kết hợp xử lý nặng tay theo quy định của pháp luật hy vọng sẽ góp phần đẩy lùi tình trạng trên. □

## CHÚ TRỌNG CÔNG TÁC HÒA GIẢI...

(Tiếp theo trang 7)



Một cảnh trong Tiểu phẩm “Chung tay bảo vệ môi trường” do Hòa giải viên huyện Tây Sơn biểu diễn tại Hội nghị tập huấn kiến thức pháp luật và nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở do Sở Tư pháp tổ chức tại huyện Tây Sơn năm 2019 (Ảnh: M.C)

“Cùng với công tác hòa giải, việc phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, mà

trong đó ngành tư pháp ở các cấp luôn giữ vai trò chủ lực trong việc tuyên truyền, phổ

biến pháp luật đến với người dân, nhằm để hạn chế tối đa việc khiếu kiện, đảm bảo tình hình an ninh, hòa đồng hàng xóm, láng giềng” - Ông Nguyễn Hữu Thái, công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Tây Giang khẳng định.

Theo ông Nguyễn Văn Đò, Phó Trưởng phòng Phòng Tư pháp huyện Tây Sơn: “Để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác hòa giải cơ sở, thời gian tới huyện Tây Sơn sẽ tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng hòa giải các tranh chấp trong cộng đồng dân cư nhằm kịp thời giúp hàn gắn mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân, giữ gìn tình làng nghĩa xóm, thực hiện tốt hơn nữa trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư...”. □

# NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

 B.H



*Sở Tư pháp phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức lớp tập huấn kiến thức pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Ảnh: N.C)*

**B**ám sát chương trình công tác năm và sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp, năm 2019, Sở Tư pháp đã triển khai các mặt công tác với nhiều phương pháp đổi mới, tạo chuyển biến tích cực, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị, xã hội của địa phương với những điểm nổi bật như sau:

Công tác xây dựng, thẩm định, góp ý văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thực hiện nghiêm túc theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa

phương năm 2015, Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL. Toàn tỉnh ban hành 578 văn bản QPPL; thực hiện thẩm định 167 dự thảo văn bản QPPL (cấp tỉnh thẩm định 143 dự thảo và cấp huyện thẩm định 24 dự thảo). Góp ý 124 dự thảo văn bản (48 dự thảo của Trung ương và 76 dự thảo của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh). Kết quả công

tác kiểm tra văn bản trên địa bàn tỉnh chưa phát hiện văn bản nào có dấu hiệu trái pháp luật về mặt nội dung.

Để tổ chức triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) trên địa bàn tỉnh một cách đồng bộ, thống nhất, Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 ban hành Kế hoạch PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019 ▶

► trên địa bàn tỉnh. Theo đó, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trong tỉnh cũng đã tập trung tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật mà dư luận xã hội quan tâm, các quy định pháp luật mới ban hành thuộc các chuyên ngành, lĩnh vực trọng tâm, quan trọng trong kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh tổ chức thành công 02 Cuộc thi: “Hòa giải viên giỏi” năm 2019 và Tìm hiểu pháp luật về nghĩa vụ quân sự. Riêng Cuộc thi “Hòa giải viên giỏi” năm 2019 được truyền hình trực tiếp trên sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định; tổ chức Ngày hội “Công dân với pháp luật” tại huyện Vân Canh, thị xã An Nhơn và TP. Quy Nhơn với 630 người tham dự; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định xây dựng 12 số Tạp chí truyền hình “Pháp luật và Đời sống”; biên soạn và phát hành 30.000 cuốn Bản tin tư pháp; 20.000 cuốn hỏi đáp pháp luật và 5.200 Tờ gấp pháp luật. Trong năm 2019, 1.130 tổ hòa giải trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 1.486 vụ việc, hòa giải thành 1.201 vụ, đạt 80,8%.

Công tác hành chính tư pháp tiếp tục đi vào nề nếp, cải cách về thủ tục hành chính không ngừng được tăng cường, thực hiện tốt việc niêm yết công khai quy trình, thủ tục giải quyết từng loại việc, lệ phí, lịch làm việc,... đảm bảo đáp ứng yêu cầu của người dân. Năm 2019, cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài cho 115 trường hợp; đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài 36 trường hợp; đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài 03 trường hợp; đăng ký khai sinh 22.944



*Sở Tư pháp tổ chức Ngày Hội “Công dân với pháp luật” tuyên truyền pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho hội viên nông cốt của các Hội đoàn thể ở cơ sở (Ảnh: N.C)*

trường hợp; đăng ký khai tử 9.885 trường hợp; đăng ký kết hôn 10.735 cặp. Cấp huyện thực hiện chứng thực 12.117 bản sao, 08 chữ ký, 5.721 bản dịch, 09 hợp đồng giao dịch. Cấp xã thực hiện chứng thực 1.247.251 bản sao, 52.266 chữ ký, 16.026 hợp đồng, giao dịch. Đăng ký nuôi con nuôi trong nước tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh 10 trường hợp. Đã cấp 6.592 phiếu Lý lịch tư pháp số 1 và 1.957 phiếu Lý lịch tư pháp số 2, tăng 2.430 trường hợp, tỷ lệ tăng 20,16%.

Công tác hỗ trợ tư pháp tiếp tục có những chuyển biến tích cực, nhất là trong các hoạt động công chứng, bán đấu giá tài sản, giám định, góp phần bảo đảm đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Năm 2019, có 1.102 cuộc đấu giá được thực hiện với giá khởi điểm là 3.100.450.269.505 đồng, bán được 4.628.060.262.235 đồng; thu được 2.864.790.345 đồng tiền thù lao dịch vụ đấu giá; nộp ngân sách nhà nước và nộp thuế 151.775.758

đồng. Toàn tỉnh đã công chứng 70.568 việc, chứng thực 95.602 việc; thu phí công chứng 25.290.293.475 đồng và phí chứng thực là 954.965.500 đồng; nộp ngân sách nhà nước, nộp thuế 3.904.227.623 đồng; thực hiện giám định 763 vụ việc (pháp y: 556 vụ việc; tài chính: 183 vụ việc).

Công tác trợ giúp pháp lý (TGPL) đã góp phần nâng cao nhận thức về pháp luật nói chung và pháp luật về TGPL nói riêng trong nhân dân và cán bộ các ngành, các cấp trong tỉnh. Năm 2019 đã thực hiện TGPL 2.486 việc, vụ việc cho 2.486 người có yêu cầu được TGPL.

Với những kết quả đạt được trong năm 2019, toàn thể cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp Bình Định tiếp tục cùng nhau phát huy những ưu điểm đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế, quyết tâm hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ của ngành đề ra trong những năm tiếp theo. □

Qua 15 năm thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW:

## ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP

 Công Luận

*Qua 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW, tỉnh ta tập trung rà soát, xây dựng, nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật; củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Từ đó, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và Nhân dân; góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội địa phương.*



*Đoàn kiểm tra Sở Tư pháp kiểm tra công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại huyện Vĩnh Thạnh*

**N**gày 24/5/2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (gọi tắt là Nghị quyết số 48-NQ/TW). Nghị quyết nhằm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch. Đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế...

**Hoàn thiện hệ thống pháp luật**

Theo thống kê của ngành chức năng, từ năm 2005 đến ngày 30/6/2019, HĐND và UBND các cấp trên địa bàn tỉnh đã ban hành 16.189 VBQPPL (gồm nghị quyết, quyết định, chỉ thị). Các VBQPPL được ban hành kịp thời, đáp ứng yêu cầu điều chỉnh và quản lý xã hội; phù hợp với các quy định của cơ quan Nhà nước cấp trên và tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh ban hành quy chế kiểm tra, xử lý VBQPPL trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện đúng quy trình xây dựng và ban hành. Đây là cơ sở hướng tới việc minh bạch hóa

xây dựng chính sách pháp luật; trình tự, thủ tục, quy trình ban hành VBQPPL ngày càng chặt chẽ. Nâng cao chất lượng các văn bản được ban hành, đảm bảo VBQPPL được ban hành đúng pháp luật.

Hàng năm, HĐND tỉnh phối hợp với các cơ quan của Quốc hội tham gia hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật về các chủ trương, chính sách có liên quan. Giám sát công tác ban hành, triển khai thực hiện các VBQPPL của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh thực hiện có hiệu quả công tác tự kiểm tra các VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành. Chỉ đạo định kỳ kiểm tra, rà soát các VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã ban hành. Kịp thời bãi bỏ những văn bản hết hiệu lực thi hành và đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới phù hợp thực tế, đúng quy định. Từ năm 2005 đến nay, các ngành chức năng của tỉnh đã kiểm tra 16.189 văn bản (nghị quyết, quyết định, chỉ thị) do HĐND, UBND các cấp ban hành.

Ngoài ra, từ năm 2005 đến nay, hàng trăm hội nghị tập huấn các VBQPPL mới và các kỹ năng, nghiệp vụ chuyên sâu về công tác xây dựng, thực thi pháp luật đã được tổ chức. Qua đó, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và thực thi pháp luật ngày càng được nâng cao; góp phần quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

**Tăng cường phổ biến pháp luật, xử lý nghiêm vi phạm**

*(Xem tiếp trang 16)*

## Thành phố Quy Nhơn:

# KẾT QUẢ HƠN 03 NĂM TRIỂN KHAI LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

 V.D

**T**hực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL; Quyết định số 4246/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành VBQPPL và Chỉ thị số 28/CT-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh về việc thi hành Luật Ban hành VBQPPL trên địa bàn tỉnh. Qua hơn ba năm triển khai thực hiện, công tác xây dựng, ban hành VBQPPL trên địa bàn thành phố Quy Nhơn đã đạt được những kết quả quan trọng:

Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành đã được quan tâm: UBND thành phố Quy Nhơn đã ban hành 11 Quyết định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL; công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; ngoài ra, còn ban hành nhiều công văn đôn đốc, hướng dẫn nghiệp vụ công tác xây dựng văn bản cho UBND cấp xã. UBND thành phố Quy Nhơn đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức Hội nghị phổ biến triển khai công tác xây



*Đoàn kiểm tra Sở Tư pháp kiểm tra công tác xây dựng, ban hành VBQPPL tại UBND thành phố Quy Nhơn*

dựng VBQPPL trên địa bàn và tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa VBQPPL cho cán bộ các phòng chuyên môn liên quan và Tư pháp các xã, phường trên địa bàn thành phố.

Công tác xây dựng VBQPPL được chú trọng: Theo quy định tại Điều 30 Luật Ban hành VBQPPL thì HĐND cấp huyện, cấp xã ban hành nghị quyết, UBND cấp huyện, cấp xã ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật giao. Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, phân cấp trên cơ sở quy định của các Luật, từ ngày 01/7/2016 đến ngày 15/11/2019, HĐND, UBND thành phố Quy Nhơn đã thông qua và ban hành 37 VBQPPL, trong đó, HĐND

thành phố thông qua 25 Nghị quyết; UBND thành phố ban hành 12 Quyết định.

Công tác kiểm tra văn bản được thực hiện thường xuyên: Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn đã kịp thời phối hợp, chỉ đạo tổ chức công tác tự kiểm tra các VBQPPL do HĐND, UBND thành phố thông qua, ban hành theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Kết quả, UBND thành phố Quy Nhơn đã tự kiểm tra 37 VBQPPL của HĐND, UBND thành phố, qua đó chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền. Đồng thời, nhằm kịp thời kiểm tra, phát hiện văn bản có sai sót về nội dung, thẩm quyền của HĐND, UBND cấp xã để xử lý theo thẩm quyền,

UBND thành phố Quy Nhơn đã ban hành Kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác xây dựng VBQPPL tại một số xã, phường trên địa bàn thành phố; kết quả, qua công tác kiểm tra đã phát hiện 02 VBQPPL của HĐND các xã, phường có sai sót về nội dung, thẩm quyền và một số văn bản sai sót về hình thức, kỹ thuật trình bày văn bản. Đến nay, trên cơ sở chỉ đạo của UBND thành phố Quy Nhơn về xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật, các địa phương có văn bản trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã kịp thời trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản để xử lý theo quy định tại Điều 130 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện đảm bảo theo quy định: UBND thành phố Quy Nhơn đã ban hành các Kế hoạch rà soát văn bản và tổ chức thực hiện; để triển khai hiệu quả công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 theo Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND tỉnh, UBND thành phố Quy Nhơn đã ban hành Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 ban hành Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn thành phố; kết quả Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn đã công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thông qua công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 với 64 văn bản, trong đó 37 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 02 văn bản hết hiệu lực một phần, 25 văn bản còn hiệu lực thi hành.

Nhìn chung, công tác xây dựng và ban hành VBQPPL của HĐND, UBND thành phố Quy Nhơn trong 03 năm qua

đã đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cụ thể hóa kịp thời các văn bản pháp luật của Trung ương và của tỉnh, phù hợp với đặc điểm tình hình thực tiễn của địa phương, góp phần tích cực vào việc hoạch định các chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn thành phố, đảm bảo ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Qua đó, đã thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước bằng pháp luật ở địa phương. Các VBQPPL được ban hành đảm bảo về hình thức; đúng thẩm quyền về nội dung được pháp luật cho phép hoặc đã được pháp luật phân công, phân cấp. Căn cứ ban hành, cũng như thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản cơ bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản cũng được quan tâm thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, qua hơn ba năm triển khai thực hiện Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành, công tác xây dựng và ban hành VBQPPL của HĐND, UBND thành phố Quy Nhơn vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định như: Một số Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND thành phố ban hành chưa đảm bảo kỹ thuật trình bày văn bản, chưa thống nhất về quy định ngày có hiệu lực thi hành của văn bản cũng như có trường hợp chưa thông qua công tác thẩm định văn bản của Phòng Tư pháp theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Để nâng cao hơn nữa hiệu

quả công tác xây dựng và ban hành VBQPPL trong thời gian đến, thiết nghĩ UBND thành phố Quy Nhơn cần quan tâm, chỉ đạo một số nội dung sau:

**Thứ nhất**, chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc UBND cần thực hiện đúng quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL theo quy định: VBQPPL trước khi trình HĐND, UBND huyện thông qua, ban hành phải có ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp và ý kiến thẩm tra của các Ban của HĐND theo quy định tại Điều 134, Điều 136 và Điều 139 Luật Ban hành VBQPPL. Các VBQPPL của HĐND, UBND thành phố sau khi được HĐND thành phố thông qua hoặc UBND thành phố ban hành cần phải niêm yết, gửi kịp thời, đầy đủ cho Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 67, Khoản 3, Điều 114 và Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để thực hiện chức năng kiểm tra theo thẩm quyền.

**Thứ hai**, chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với Phòng Tư pháp thực hiện chức năng rà soát văn bản theo định kỳ hàng năm được quy định tại Điều 139 và Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền các VBQPPL của HĐND, UBND các xã, phường thuộc địa bàn theo quy định tại Điều 114 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

**Thứ ba**, hàng năm bố trí kinh phí và chỉ đạo Phòng Tư pháp xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác xây dựng, ban hành VBQPPL cho đội ngũ cán bộ công chức của huyện, HĐND, UBND cấp xã nhằm nâng cao hiệu quả và khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL theo quy định. □

Huyện Phù Cát:

# THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ GẮN VỚI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

✍ *Thế Hà*

**Trong những năm qua, huyện Phù Cát đã tăng cường thực hiện quy chế dân chủ (viết tắt là QCDC) gắn với công tác cải cách hành chính (viết tắt là CCHC), coi đây là giải pháp trọng tâm để phát triển kinh tế - xã hội.**



*Công dân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện Phù Cát*

**V**iệc thực hiện QCDC gắn với công tác CCHC có vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất chính trị, năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển và đổi mới. Thực tế cho thấy, ở đâu thực hiện tốt QCDC ở cơ sở thì ở đó thực hiện tốt công tác CCHC và ngược lại.

Thông qua việc thực hiện QCDC và đẩy mạnh CCHC,

hoạt động của HĐND các cấp trong huyện đã có nhiều đổi mới. Công tác tiếp xúc cử tri được cải tiến, thiết thực, hiệu quả hơn; các điểm tiếp xúc cử tri được bố trí về tận thôn, khu phố, vùng sâu, vùng xa, đến với từng đối tượng. Đại biểu HĐND đã thực hiện tốt việc tiếp xúc cử tri để trực tiếp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Nhờ đó, nhiều ý kiến, kiến nghị của cử tri đều được đối thoại, giải thích trực tiếp và xem xét giải quyết. Chất lượng các kỳ họp của HĐND các cấp ngày

càng được nâng lên. Các kỳ họp của HĐND huyện, xã đã được truyền thanh trực tiếp, tạo điều kiện cho Nhân dân theo dõi; các hoạt động của HĐND tại kỳ họp được nhân dân thực sự quan tâm và đồng tình.

UBND huyện và các xã, thị trấn chú trọng chỉ đạo thực hiện QCDC ở trong các loại hình cơ sở, gắn việc xây dựng và thực hiện QCDC với việc củng cố xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa, tạo điều kiện để người dân thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ công dân của mình.

Cùng với việc thực hiện QCDC, công tác CCHC trên địa bàn huyện được quan tâm chỉ đạo và triển khai quyết liệt. UBND huyện đã ban hành kế hoạch CCHC giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch CCHC hàng năm để xác định các nội dung cần tập trung chỉ đạo thực hiện, với các nhiệm vụ cụ thể của tháng, quý gắn với trách nhiệm đối với từng cấp, từng ngành.

Từ năm 2015 đến nay, huyện Phù Cát đều đưa công tác CCHC vào chương trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhờ vậy, công tác CCHC của huyện đạt được nhiều kết quả tích cực và luôn được đánh giá cao. Việc cung cấp dịch vụ hành chính công giúp cho việc giải quyết thủ tục hành chính nhanh hơn, đảm bảo công khai, minh bạch. Bộ phận tiếp nhận và trả lời kết quả của huyện, của xã, thị trấn đi vào

## HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC TƯ PHÁP

hoạt động ổn định, đã tạo sự thống nhất, đồng bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính ở các cấp, tạo môi trường làm việc thuận tiện, văn minh, hiện đại, mang lại sự hài lòng cho tổ chức và cá nhân. Riêng 9 tháng đầu năm 2019, tổng số hồ sơ tiếp nhận 7.673 hồ sơ trên 07 lĩnh vực. Trong đó, tổng hồ sơ đã giải quyết 5.363 hồ sơ (đúng hạn 5.048 hồ sơ, chiếm 94%; trễ hạn 315 hồ sơ, chiếm 5%), 2.412 hồ sơ còn đang giải quyết, chiếm 31% tổng hồ sơ tiếp nhận (trong hạn 1.909 hồ sơ; quá hạn 401 hồ sơ). Đa số các hồ sơ tiếp nhận thuộc 05 lĩnh vực (đăng ký kinh doanh, tư pháp - hộ tịch, Cấp phép xây dựng, môi trường, thẩm định, hoạt động Karaoke) được giải quyết đúng hạn.

Song song với việc thực hiện

nghiêm các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính, huyện còn tập trung rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, có năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin nhằm thực hiện CCHC trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được huyện đặc biệt chú trọng. Hiện nay, việc thực hiện trao đổi văn bản giữa các cơ quan dưới dạng hộp thư điện tử đang được đồng bộ hóa, tạo thuận lợi cho công tác quản lý, cũng như giúp các cơ quan dễ dàng hơn trong trao đổi công việc.

Nhìn chung, quá trình thực hiện QCDC gắn với CCHC ở

các đơn vị, địa phương trong thời gian qua đã mang lại nhiều kết quả. Về cơ bản, đã giải quyết được các vấn đề bức xúc ở địa phương, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; hạn chế những khiếu nại, tố cáo vượt cấp; tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Ông Nguyễn Trung Kiên, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát cho biết: “Thời gian tới, huyện tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung trọng tâm, trọng điểm; đảm bảo nguyên tắc đầy đủ, kịp thời, đúng thời gian, hiệu quả và tiết kiệm. Hướng tới mục tiêu xây dựng nền hành chính Phù Cát là nền hành chính dân chủ, trong sạch và chuyên nghiệp; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ các cấp đề ra”. □

## ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH...

Từ năm 2005 đến nay, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) trên địa bàn tỉnh ngày càng được chú trọng về hình thức và nội dung. Trong 15 năm, hàng nghìn cuộc tuyên truyền, PBGDPL được tổ chức với nội dung là những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động và đời sống hàng ngày của người dân như Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Dân sự, Luật Bình đẳng giới, Luật Giao thông đường bộ... Các hình thức PBGDPL ngày càng đa dạng, phong phú, sinh động và phù hợp với trình độ dân trí, đặc điểm dân cư, điều kiện vùng miền nên hiệu quả khá cao.

Việc PBGDPL còn được các cấp, các ngành, địa phương chú trọng thông qua công tác hòa giải, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật; hoạt động của các mô hình câu lạc bộ, tủ sách pháp luật. Hiện nay, toàn tỉnh có 1.130 tổ

hòa giải với 8.309 hòa giải viên. Từ năm 2005 đến nay, các tổ hòa giải trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận, thực hiện hòa giải hàng chục nghìn vụ việc; góp phần giải quyết thành công những tranh chấp nhỏ trong cộng đồng dân cư. Nhiều mô hình câu lạc bộ được thành lập như “trợ giúp pháp lý”; “phụ nữ với pháp luật”; “nông dân với pháp luật”..., đã tổ chức hàng nghìn buổi sinh hoạt pháp luật, thu hút hàng vạn lượt người tham gia mỗi năm.

Cùng với đó, các cơ quan thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh ý thức rõ quyền hạn, trách nhiệm trong việc áp dụng các quy định pháp luật để giải quyết những vấn đề về quyền, nghĩa vụ; xác định trách nhiệm pháp lý của các tổ chức, cá nhân. Đến nay, các lực lượng chức năng trên địa bàn tỉnh đã phát hiện 99.908 vụ việc vi phạm hành chính, tiến hành xử lý vi phạm 99.790 vụ với tổng số tiền phạt hơn 118 tỷ đồng.

Mặt khác, công tác quản lý nhà nước đối với các đối tượng

chính sách; các cá nhân, tổ chức kinh tế; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện ngày một tốt hơn. Góp phần đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp và nâng cao trách nhiệm của người dân trong mối quan hệ với các chủ thể pháp luật khác.

Theo Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Thanh Tùng, thì: 15 năm qua, với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW, trên địa bàn tỉnh đã hình thành hệ thống các VBQPPL điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật trong tỉnh từng bước được kiện toàn, tăng về số lượng, nâng cao chất lượng, cơ bản đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và cải cách tư pháp; góp phần quan trọng trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của Nhân dân, do nhân dân và vì Nhân dân. □

(Tiếp theo trang 12)



# HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH HỌ ĐẠO KHÔNG CÓ TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

*Mai Lâm*

*Mô hình họ đạo không có tội phạm và tệ nạn xã hội được triển khai trong đồng bào có đạo ở huyện Tuy Phước đã phát huy hiệu quả xây dựng đời sống mới, an toàn, văn minh hơn.*



*Đồng đảo giáo dân tham dự Lễ ra mắt Mô hình “Họ đạo không có tội phạm và tệ nạn xã hội” của họ đạo Giáo xứ Vườn Vông*

Mô hình “Họ đạo không có tội phạm và tệ nạn xã hội” của họ đạo Giáo xứ Vườn Vông được ra mắt từ tháng 5/2017 và trước đó gần 5 năm là mô hình tương tự của Giáo họ Nho Lâm. Giáo dân Giáo xứ Vườn Vông sống ở 02 xã: Phước Hưng và Phước Quang (huyện Tuy Phước). Ngoài 2 xã này, một số giáo dân Giáo họ Nho Lâm còn sinh sống ở xã Nhơn Hạnh, TX. An Nhơn.

Tham gia mô hình, các gia đình giáo dân đăng ký thực hiện các nội dung như: Không có tội phạm và tệ nạn xã hội, chấp hành nghiêm túc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nêu cao tinh thần cảnh giác, phòng ngừa tổ chức tội phạm. Đồng thời, thực hiện tốt nếp sống văn minh, đoàn kết tương trợ trong cộng đồng, thi đua lao động sản xuất; phối hợp với chính quyền

hòa giải các mâu thuẫn tranh chấp trong nội bộ giáo dân.

Trước đây, đời sống của người dân có đạo còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, mỗi năm có 2 - 3 trường hợp vi phạm chính sách kế hoạch hóa gia đình. Cờ bạc, cờ ý gây thương tích, mâu thuẫn trong nội bộ gia đình giáo dân hàng năm xảy ra 4 - 5 vụ. Sau khi triển khai mô hình, đời sống của giáo dân Giáo họ Nho Lâm và Giáo xứ Vườn Vông đã thay đổi rõ rệt, đến nay chỉ còn 2 hộ nghèo; không còn tình trạng vi phạm kế hoạch hóa gia đình; chỉ tiêu khám nghĩa vụ quân sự đều đạt trên 98%, thanh niên trúng tuyển lên đường nhập ngũ đạt 100%. Đồng thời, không có học sinh bỏ học giữa chừng.

Mỗi khi xảy ra tranh chấp trong nội bộ giáo dân, gia đình bất hòa, các ban biện họ căn cứ 5 nội dung

quy định của họ đạo và 4 tiêu chí đăng ký xây dựng mô hình “Họ đạo không tội phạm và tệ nạn xã hội” để hòa giải nội bộ, chấm dứt bạo lực gia đình. Thời gian qua, có một số đối tượng có hành vi say rượu, gây rối trật tự công cộng được ngăn chặn kịp thời. Mô hình đã phát huy tích cực, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, phòng, chống, tố giác tội phạm; cung cấp rất nhiều tin báo tội phạm, giúp Công an xã ngăn chặn hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật.

Thêm vào đó, theo Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Phước Hưng Đặng Văn Tinh, tất cả gia đình trong mô hình thể hiện tinh thần đoàn kết nội bộ trong thôn, xóm; gần 75% số hộ thường xuyên tham gia hội họp. Trong xây dựng nông thôn mới, các gia đình gương mẫu chấp hành tốt việc xây dựng cánh đồng mẫu lớn thành công, nâng cao thu nhập; tham gia phong trào thu gom rác thải làm sạch đẹp môi trường cảnh quan; 94% hộ đạt gia đình văn hóa. Khu dân cư không có người nghiện ma túy, mại dâm, góp phần lớn vào công cuộc xây dựng nông thôn mới.

“Thời gian tới, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã tiếp tục quan tâm, hướng dẫn, duy trì và giữ vững các mô hình họ đạo không có tội phạm và tệ nạn xã hội, không có người vi phạm pháp luật về an toàn giao thông, không có tội phạm nghiêm trọng, đơn thư khiếu nại vượt cấp. Hơn nữa, còn tương thân tương ái, giúp nhau phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống, thực hiện đúng tinh thần “Người giáo dân tốt cũng là người công dân tốt”, ông Tinh cho hay. □

# BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BUỘC NỘP LẠI SỐ LỢI BẤT HỢP PHÁP CÓ ĐƯỢC DO THỰC HIỆN HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

✍ Hồ Mỹ Ngọc Chân

**L**uật Xử lý vi phạm hành chính (VPHC) bên cạnh việc quy định các hình thức xử phạt để răn đe, giáo dục các cá nhân, tổ chức có hành vi VPHC thì còn quy định về các biện pháp khắc phục hậu quả nhằm xác định các biện pháp cụ thể để khắc phục những hậu quả do hành vi VPHC gây ra (điểm a, khoản 2, Điều 28). Điều này là tương ứng và phù hợp với nguyên tắc xử phạt VPHC được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3 Luật Xử lý VPHC “Mọi VPHC phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do VPHC gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật”.

Trong các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 1, Điều 28 Luật Xử lý VPHC, biện pháp “buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi VPHC” là biện pháp khắc phục hậu quả lần đầu tiên được quy định trong Luật Xử lý VPHC. Sự ra đời của biện pháp này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể có thẩm quyền có thêm lựa chọn trong quá trình xử phạt VPHC. Biện pháp “buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi VPHC” được quy định cụ thể hơn tại Điều 37 Luật Xử lý VPHC: “Cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp lại số lợi bất hợp pháp là tiền, tài sản, giấy tờ và vật có giá có được từ VPHC mà cá



Quang cảnh buổi kiểm tra công tác xử lý VPHC tại UBND huyện Phù Cát

nhân, tổ chức đó đã thực hiện để sung vào ngân sách nhà nước hoặc hoàn trả cho đối tượng bị chiếm đoạt;...; nếu cá nhân, tổ chức VPHC không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện”.

Theo đó, việc áp dụng biện pháp “buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi VPHC” có 02 đặc điểm đó là:

*Một là*, số lợi bất hợp pháp có được từ VPHC được xác định bao gồm tiền, tài sản, giấy tờ và vật có giá.

*Hai là*, số lợi bất hợp pháp do các cá nhân, tổ chức VPHC nộp lại sẽ được xử lý theo 02 cách: Sung vào ngân sách nhà nước hoặc hoàn trả cho đối tượng bị chiếm đoạt.

Như vậy, có thể thấy Luật Xử lý VPHC đã quy định khá rõ ràng, cụ thể về biện pháp “buộc nộp lại số lợi bất hợp

pháp có được do thực hiện hành vi VPHC”. Trên cơ sở các quy định của Luật Xử lý VPHC, Chính phủ ban hành các Nghị định xử phạt VPHC trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước, trong đó quy định cụ thể biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi. Tuy nhiên, trong các quy định pháp luật về biện pháp “buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi VPHC” còn tồn tại một số bất cập cần khắc phục và hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả này trong thực tiễn.

*Thứ nhất*, quy định về số lợi bất hợp pháp chưa phù hợp với quy định về tài sản trong pháp luật dân sự. Khoản 1, Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản”. Theo quy định

này, có thể hiểu vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản là những bộ phận cấu thành nên tài sản. Trong khi đó, Điều 37 Luật Xử lý VPHC thì lại quy định số lợi bất hợp pháp có được từ VPHC bao gồm tiền, tài sản, giấy tờ và vật có giá. Cách quy định của Luật Xử lý VPHC dẫn đến cách hiểu tiền, tài sản, giấy tờ và vật có giá là các đối tượng hoàn toàn khác nhau, trong đó, tài sản là một đối tượng độc lập so với các đối tượng khác.

Với các quy định như vậy, có thể thấy rằng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Xử lý VPHC chưa có sự thống nhất với nhau trong quy định về tài sản. Tuy nhiên, trong mối quan hệ giữa Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Xử lý VPHC về vấn đề tài sản thì Bộ luật Dân sự năm 2015 là luật chung còn Luật Xử lý VPHC là luật chuyên ngành. Do đó, về nguyên tắc, Luật Xử lý VPHC không được trái với Bộ luật Dân sự năm 2015. Hơn nữa, theo nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật tại khoản 3, Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 “*Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau*” nên Bộ luật Dân sự năm 2015 sẽ được ưu tiên áp dụng so với Luật Xử lý VPHC. Do đó, thiết nghĩ Luật Xử lý VPHC cần sửa đổi quy định về số lợi bất hợp pháp cho phù hợp với quy định về tài sản trong Bộ luật Dân sự năm 2015 vì tiền, giấy tờ và vật có giá chỉ là một bộ phận của tài sản nói chung.

*Thứ hai*, tên gọi của biện pháp khắc phục hậu quả “*buộc nộp lại số lợi bất hợp*

*pháp có được do thực hiện hành vi VPHC*” có sự không thống nhất trong quy định của Luật Xử lý VPHC và các Nghị định xử phạt VPHC.

Điểm i, khoản 1, Điều 38 Luật Xử lý VPHC quy định biện pháp khắc phục hậu quả “*buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi VPHC*”, tuy nhiên trong các nghị định của chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong các lĩnh vực thì tên gọi của biện pháp khắc phục hậu quả này đã có sự thay đổi, không đảm bảo chính xác và thống nhất như quy định trong Luật Xử lý VPHC. Ví dụ:

Đối với VPHC về tem bưu chính và thiết lập mạng, cung cấp dịch vụ viễn thông thì Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017) quy định biện pháp khắc phục hậu quả là “*buộc thu hồi số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi VPHC*” (điểm a, khoản 10, Điều 12; khoản 10, Điều 23); còn đối với hành vi VPHC về lưu trữ, cho thuê, truyền đưa, cung cấp, truy nhập, thu thập, xử lý, trao đổi và sử dụng thông tin thì Nghị định này lại quy định biện pháp khắc phục hậu quả là “*buộc hoàn trả hoặc buộc thu hồi số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi VPHC*” (điểm a, khoản 8, Điều 66). Đối với hành vi VPHC là tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý thì Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (*sửa đổi, bổ*

*sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016*) quy định biện pháp khắc phục hậu quả là “*buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi do thực hiện hành vi VPHC*” (khoản 7, Điều 13).

Về bản chất, các biện pháp khắc phục hậu quả: “*buộc thu hồi* số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi VPHC”, “*buộc hoàn trả hoặc buộc thu hồi* số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi VPHC” trong Nghị định số 147/2013/NĐ-CP hay “*buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi* do thực hiện hành vi VPHC” trong Nghị định số 109/2013/NĐ-CP cũng chính là biện pháp khắc phục hậu quả “*buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi VPHC*” được quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 38 Luật Xử lý VPHC, tuy nhiên tên gọi thì lại không thống nhất với nhau.

Là biện pháp khắc phục hậu quả có khả năng gây ra thiệt hại nhất định đối với đối tượng bị áp dụng. Vì vậy, các quy định pháp luật về biện pháp khắc phục hậu quả “*buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi VPHC*” cần phải được hoàn thiện để tạo cơ sở thuận lợi cho hoạt động xử phạt VPHC trong thực tiễn. Do đó, với những vấn đề còn bất cập nêu trên, các cơ quan có thẩm quyền cần tiến hành rà soát tổng thể các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý VPHC, đặc biệt là các nghị định của Chính phủ về xử phạt VPHC trong các lĩnh vực để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp trong quy định của các nghị định này với Luật Xử lý VPHC và đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống pháp luật. □

# MỘT SỐ BẤT CẬP CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 23/2015/NĐ-CP VỀ CẤP BẢN SAO TỪ SỔ GỐC, CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH, CHỨNG THỰC CHỮ KÝ VÀ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH

✍ Phạm Văn Bình

**N**gày 16/02/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (Nghị định số 23/2015/NĐ-CP) thay thế Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; các quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công tác công chứng, chứng thực. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã khắc phục được một số hạn chế trong các quy định về công tác chứng thực trước đây, đã tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền chứng thực, cho người dân, tổ chức khi có nhu cầu chứng thực.

Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã bộc lộ một số bất cập như:

Việc chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản: Điểm đ, khoản 1; điểm h, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: Phòng Tư pháp cấp huyện có thẩm quyền chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, UBND cấp xã có thẩm quyền chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản là động sản và bất động sản; đồng thời tại điểm d, khoản 2, Điều 12 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định lời chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản và văn bản khai nhận di sản, nhưng Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành lại không có quy định trường hợp nào thì người

thừa kế được quyền yêu cầu chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, trường hợp nào được quyền yêu cầu chứng thực văn bản khai nhận di sản để người yêu cầu chứng thực và người có thẩm quyền thực hiện chứng thực thực hiện. Mặt khác, hiện nay Nghị định số 23/2015/NĐ - CP không có quy định phải niêm yết việc thụ lý văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản để dẫn đến bỏ sót người thừa kế, không đảm bảo an toàn pháp lý cho người tham gia hợp đồng, giao dịch, không đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống pháp luật (*cùng nhóm việc văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản, nếu tổ chức hành nghề công chứng tiếp nhận, giải quyết thì pháp luật công chứng quy định phải niêm yết việc thụ lý là 15 ngày, còn nếu cơ quan chứng thực tiếp nhận, giải quyết thì không có thủ tục niêm yết*).

Về việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin liên quan đến giấy tờ, văn bản yêu cầu chứng thực:

Trong hoạt động chứng thực, theo quy định tại khoản 5, Điều 8 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: Người thực hiện chứng thực có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin để xác minh tính hợp pháp của giấy tờ, văn bản yêu cầu công chứng nhằm đảm bảo việc chứng thực khách quan, trung thực, đúng quy định của pháp luật. Song, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP không quy định trình tự, thủ tục; thời hạn cung cấp thông tin; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải cung cấp thông tin giấy tờ, văn bản yêu cầu chứng thực nên hầu như các yêu cầu cung cấp thông tin về các giấy tờ, văn bản

yêu cầu chứng thực không được cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện.

Về chứng thực chữ ký: Điểm b, khoản 2, Điều 12 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định 04 loại lời chứng chứng thực chữ ký, trong đó có việc chứng thực chữ ký của người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký, không điểm chỉ được, nhưng Nghị định 23/2015/NĐ-CP không quy định thủ tục, điều kiện chứng thực chữ ký đối với người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký, không điểm chỉ được. Do đó, người thực hiện chứng thực không có căn cứ để xác định giấy tờ, văn bản chứng thực chữ ký là của chính người yêu cầu chứng thực chữ ký để thực hiện chứng thực, cũng như để xác định trách nhiệm của người yêu cầu chứng thực chữ ký theo quy định tại khoản 1, Điều 23 Nghị định 23/2015/NĐ-CP.

Về chứng thực hợp đồng, giao dịch: Theo quy định tại khoản 1, Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, hồ sơ yêu cầu chứng thực được thực hiện chung cho tất cả các loại hợp đồng, giao dịch gồm 03 loại giấy tờ cố định: *Dự thảo hợp đồng, giao dịch; bản sao Chứng minh nhân dân/hộ chiếu của các bên; bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu/quyền sử dụng đối với các tài sản cần phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng*. Việc quy định hồ sơ yêu cầu chứng thực đơn giản, chung cho tất cả các loại hợp đồng, giao dịch là không phù hợp với thực tế, hồ sơ chứng thực sẽ không chặt chẽ, có thể dẫn đến việc xác định không đúng chủ thể có quyền tham gia hợp đồng, giao dịch, xác định không đúng chủ sở hữu tài sản, không đảm bảo an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, dễ dẫn đến tranh chấp. Bởi vì, mỗi loại hợp đồng, ▶

# BÀN VỀ BIỆN PHÁP TẠM GIỮ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC

✍️ *Trần Thị Túy*

**T**ạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (VPHC) là một trong những biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC. Biện pháp này chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết nhằm: (1) Xác minh tình tiết vụ việc mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt; (2) ngăn chặn ngay hành vi VPHC mà nếu không tạm giữ thì sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội; (3) bảo đảm thi hành quyết định xử phạt trong trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền

đối với cá nhân, tổ chức VPHC nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm không có giấy tờ như giấy phép lái xe hoặc giấy phép lưu hành phương tiện hoặc giấy tờ cần thiết khác có liên quan đến tang vật, phương tiện thì người có thẩm quyền xử phạt có thể tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC cho đến khi cá nhân, tổ chức đó chấp hành xong quyết định xử phạt.

Tang vật, phương tiện VPHC là tài sản hợp pháp của các cá nhân, tổ chức; việc tạm giữ làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền

lợi của cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng hợp pháp tang vật, phương tiện. Do vậy, Luật Xử lý VPHC quy định rất chi tiết, cụ thể về mục đích; thẩm quyền; trình tự thủ tục; thời hạn; xử lý tang vật, phương tiện. Mọi trường hợp áp dụng phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 120 Luật Xử lý VPHC mà không có quy định ngoại lệ nào được áp dụng riêng cho các trường hợp xử lý VPHC trong các lĩnh vực chuyên ngành. Tuy nhiên, pháp luật về xử phạt VPHC trong lĩnh vực

▶ giao dịch; mỗi loại tài sản có tính chất, đặc điểm riêng; mỗi chủ thể tham gia hợp đồng, giao dịch có quyền và nghĩa vụ khác nhau, thì tất nhiên hồ sơ chứng thực mỗi loại hợp đồng, giao dịch phải khác nhau. Mặt khác, hoạt động chứng thực không những được điều chỉnh bởi pháp luật chứng thực mà còn được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật chuyên ngành như: Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Kinh doanh bất động sản... nên hồ sơ chứng thực, ngoài những giấy tờ theo quy định của pháp luật chứng thực còn có những giấy tờ theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Ví dụ: Chứng thực hợp đồng chuyển nhượng hoặc tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa, hồ sơ chứng thực không những gồm những giấy tờ nêu trên, mà còn phải theo quy định của pháp luật đất đai, cá nhân nhận chuyển nhượng hoặc nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa phải có giấy xác nhận của UBND cấp xã chứng minh là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp; chứng thực văn bản khai nhận, phân chia di sản

thừa kế, hồ sơ chứng thực ngoài các giấy tờ theo quy định của pháp luật chứng thực, còn phải có giấy chứng tử/trích lục khai tử, giấy tờ chứng minh mối quan hệ giữa người để lại di sản thừa kế và người được hưởng di sản, thì người thực hiện chứng thực mới có căn cứ xác định người có tài sản đã chết, thời điểm mở thừa kế, di sản thừa kế, người được hưởng di sản thừa kế... đảm bảo thực hiện chứng thực đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, theo quy định của Luật Căn cước công dân; Nghị định số 59/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, thì căn cước công dân, chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng là những giấy tờ cũng được sử dụng thực hiện các giao dịch dân sự nhưng theo quy định Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đối với giấy tờ tùy thân, người yêu cầu công chứng chỉ được nộp giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu. Điều này là hạn chế quyền của

công dân. Theo quy định tại khoản 6, Điều 9 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, người thực hiện chứng thực có quyền lập biên bản tạm giữ và chuyển cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý đối với giấy tờ, văn bản yêu cầu chứng thực cấp sai thẩm quyền, giả mạo, tuy nhiên Nghị định 23/2015/ NĐ-CP không quy định trình tự, thủ tục việc lập biên bản, thành phần ký biên bản, nếu người yêu cầu chứng thực không chịu ký biên bản thì giải quyết như thế nào? Vì vậy, trong hoạt động chứng thực, người thực hiện chứng thực nếu phát hiện giấy tờ, văn bản yêu cầu chứng thực cấp sai thẩm quyền, giả mạo thường từ chối chứng thực, mà không lập biên bản theo quy định trên.

Trên đây là một số bất cập trong việc triển khai thi hành Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, kiến nghị Bộ Tư pháp sớm trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 23/2015/NĐ-CP để khắc phục một số bất cập nêu trên, giúp cơ quan chứng thực thực hiện chứng thực thuận lợi, chất lượng, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. □

▶ điện lực có một số quy định bất cập, không đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật và không bảo đảm tính khả thi, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, khoản 2 Điều 42 Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả quy định “*Kiểm tra viên điện lực đang thi hành nhiệm vụ có thẩm quyền lập Biên bản VPHC trong lĩnh vực điện lực; lập Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm trong trường hợp phát hiện hành vi trộm cắp điện*”. Theo quy định này, trong trường hợp phát hiện có hành vi trộm cắp điện, Kiểm tra viên điện lực có quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm.

Trong lúc đó, khoản 4, khoản 5, Điều 125 Luật Xử lý VPHC quy định việc tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC phải có quyết định bằng văn bản kèm theo biên bản tạm giữ; trừ trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện VPHC bị tẩu tán, tiêu hủy thì thủ trưởng trực tiếp của chiến sĩ cảnh sát nhân dân, cảnh sát viên cảnh sát biển, bộ đội biên phòng, kiểm lâm viên, công chức hải quan, kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ phải tạm giữ ngay tang vật, phương tiện VPHC. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo thủ trưởng của mình là người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC để xem xét ra quyết định tạm giữ. Như vậy, theo quy định của Luật Xử lý VPHC, mọi trường hợp tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC phải có quyết định tạm giữ; quyết định tạm giữ được ban hành sau chỉ được áp dụng trong trường hợp ngoại lệ nếu có căn cứ để cho rằng không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện VPHC bị

tẩu tán, tiêu hủy. Đối với trường hợp ngoại lệ này, chỉ có các chức danh được Luật Xử lý VPHC quy định mới có quyền lập biên bản tạm giữ bao gồm thủ trưởng trực tiếp của chiến sĩ cảnh sát nhân dân, cảnh sát viên cảnh sát biển, bộ đội biên phòng, kiểm lâm viên, công chức hải quan, kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ; Luật Xử lý VPHC không quy định trường hợp ngoại lệ Kiểm tra viên điện lực được lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC khi chưa có quyết định của người có thẩm quyền.

*Thứ hai*, Khoản 11, Điều 1 Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm phải được chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt VPHC ngay sau khi hoàn thành việc lập đầy đủ hồ sơ vụ vi phạm nhưng không quá 05 ngày làm việc. Trên thực tế, việc áp dụng quy định này bị vướng mắc, cụ thể: (1) việc chuyển trực tiếp đến cho người có thẩm quyền xử phạt để xem xét ra quyết định xử phạt sẽ không đảm bảo về thủ tục; bởi vì, việc tạm giữ tang vật, phương tiện chỉ mới được Kiểm tra viên điện lực lập biên bản tạm giữ mà chưa có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền, trong lúc đó Luật Xử lý VPHC quy định việc tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC phải có quyết định bằng văn bản (khoản 5 Điều 125). (2) Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn biên bản tạm giữ phải được chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, sau khi hoàn thành việc lập đầy đủ hồ sơ (*Thông tư không quy định thời hạn lập hồ sơ*). Quy định này không phù hợp với Luật Xử lý VPHC, bởi vì Khoản 8, Điều 125 Luật Xử lý VPHC quy định thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC đối với việc thông thường là 07 ngày, kể

từ ngày tạm giữ và thời hạn tạm giữ được tính từ thời điểm tang vật, phương tiện bị tạm giữ thực tế. Như vậy, việc quy định thời hạn chuyển biên bản tạm giữ không rõ ràng và quá dài như trên sẽ ảnh hưởng đến việc xử lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ và không đảm bảo quy định của pháp luật về thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC.

*Thứ ba*, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý VPHC (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ*) ban hành Mẫu biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép chứng chỉ hành nghề (MBB07); trong đó Chính phủ hướng dẫn biên bản tạm giữ phải có chữ ký của người ra quyết định tạm giữ. Trong lúc đó, tại Mẫu biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC (MBB04) của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về kiểm tra hoạt động và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện (*được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương*), Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn biên bản tạm giữ không bắt buộc phải có chữ ký của người ra quyết định.

Trên đây là một số vướng mắc, bất cập trong việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật quy định về tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC trong lĩnh vực điện lực, người viết xin được đề cập để cùng trao đổi và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện rà soát, đánh giá nhằm sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật Xử lý VPHC và bảo đảm tính khả thi của các văn bản quy định chi tiết về tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC. □

# MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2019/NĐ-CP VỀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

✍️ Lê Kim Chinh

**T**hời gian qua, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện chung với các doanh nghiệp khác theo quy định tại Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế một cách chủ động, sâu rộng đã và đang đặt ra những yêu cầu mới đối với hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Qua 11 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP cho thấy, công tác hỗ trợ bước đầu góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và sử dụng tư vấn pháp luật của doanh nghiệp, một số hoạt động đã nhận được kết quả tích cực. Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế - xã hội, một số nội dung của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP đã phát sinh bất cập, vướng mắc và không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn nên cần phải sửa đổi, bổ sung để nhằm nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong tình hình mới. Theo đó, hoạt động này sẽ không làm dàn trải mà cần phải tiến hành có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với mục tiêu, yêu cầu hỗ trợ, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch và hiệu quả.

Trước yêu cầu thực tiễn xã hội, ngày 24/6/2019 Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16/8/2019 thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và có những điểm mới đáng lưu ý sau đây:

Nghị định này quy định chi tiết hơn các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác và cá nhân có liên quan trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Về nguyên tắc thực hiện việc



*Đại diện doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ, giải đáp vướng mắc pháp lý tại Hội nghị tập huấn kiến thức pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Ảnh: V.D)*

hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP quy định:

Thứ nhất, việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; không chồng chéo, trùng lặp.

Thứ hai, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa cơ quan nhà nước với tổ chức đại diện của doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Thứ ba, việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được ưu tiên thực hiện thông qua tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý.

Thứ tư, căn cứ nguồn lực, chương trình hỗ trợ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quyết định hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên sau: Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước;

doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật; doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được hỗ trợ trước.

Thứ năm, Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Về cơ chế tài chính, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP quy định rõ các doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật ở các mức như sau: Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 3 triệu đồng/năm. Doanh nghiệp nhỏ được hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 05 triệu đồng/năm và doanh nghiệp vừa được hỗ trợ tối đa 10% chi phí, nhưng không quá 10 triệu đồng/năm. Đối với hộ kinh doanh chuyển đổi sang doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và

## TÌM HIỂU PHÁP LUẬT

vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật theo quy định tại Chương IV Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó, doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ từng mức phù hợp theo nội dung, loại hình, lĩnh vực và phương thức hoạt động của doanh nghiệp.

Nghị định số 55/2019/NĐ-CP cũng quy định cụ thể việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, với các nội dung cụ thể gồm: Xây

dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý; xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về bản án, quyết định của tòa án; phán quyết của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp; xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về văn bản trả lời của cơ quan nhà nước đối với vướng mắc pháp lý của doanh

nh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về văn bản tư vấn viên pháp luật và thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật; căn cứ xây dựng và các hoạt động của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; thời gian thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng và phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. □

# CẤM CÔNG KHAI BẢN ÁN TÌNH DỤC NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI

*Như Quỳnh*

**N**gày 01/10/2019, Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các Điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi.

Theo đó, Nghị quyết này hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các Điều về tội: Hiếp dâm, hiếp dâm người dưới 16 tuổi, cưỡng dâm, cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, dâm ô đối với người dưới 16 tuổi, sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm theo quy định của Bộ luật Hình sự, hướng dẫn giải quyết các vướng mắc trong thực tiễn xét xử và việc tổ chức xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi.

Theo Nghị quyết, xâm hại tình dục người dưới 16 tuổi là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lời đe dọa, dụ dỗ người dưới 16 tuổi tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với người dưới 16 tuổi và sử

dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức (Ví dụ: Hoạt động xâm hại tình dục được thực hiện do đồng thuận với người dưới 13 tuổi); do cưỡng bức, do hứa hẹn các lợi ích vật chất (tiền, tài sản) hay các lợi ích phi vật chất (Ví dụ: Cho điểm cao, đánh giá tốt, tạo cơ hội tiến bộ...).

Về các trường hợp loại trừ xử lý hình sự, Nghị quyết quy định không xử lý hình sự theo quy định tại Điều 146 của Bộ luật Hình sự nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: Thứ nhất, người trực tiếp chăm sóc, giáo dục người dưới 10 tuổi, người bệnh, người tàn tật, có hành vi tiếp xúc với bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm của họ nhưng không có tính chất tình dục (ví dụ: Cha, mẹ tắm rửa, vệ sinh cho con dưới 10 tuổi; giáo viên mầm non tắm rửa, vệ sinh cho trẻ mầm non...). Thứ hai, người làm công việc khám, chữa bệnh, chăm sóc y tế; người cấp cứu, sơ cứu người bị nạn có hành vi tiếp xúc với bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm, bộ phận khác của người dưới 16 tuổi nhưng không có tính chất tình dục (ví dụ: Bác sĩ khám, chữa bệnh cho bệnh

nhân; sơ cứu, cấp cứu người bị tai nạn, người bị đuối nước...).

Không xử lý hình sự theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Hình sự đối với trường hợp người làm công tác giáo dục, khám, chữa bệnh, chăm sóc y tế mô tả bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm của con người vì mục đích giáo dục, khám, chữa bệnh, chăm sóc y tế.

Về thời hạn xét xử vụ án xâm hại tình dục có bị hại là người dưới 18 tuổi được thực hiện như sau: Áp dụng thủ tục rút gọn đối với các trường hợp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; đưa các vụ án khác ra xét xử trong thời hạn không quá 1/2 thời hạn pháp luật cho phép đối với các trường hợp tương ứng.

Bên cạnh đó, Nghị quyết còn hướng dẫn cụ thể những nội dung phải thực hiện, cần thực hiện và không được thực hiện của Tòa án nhân dân khi tổ chức xét xử vụ án xâm hại tình dục có bị hại là người dưới 18 tuổi.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 20/9/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/11/2019. Trường hợp người phạm tội đã bị xét xử trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực theo đúng các quy định, hướng dẫn trước đây và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì không căn cứ vào Nghị quyết này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. □



# CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CÔNG TÁC Ở VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

✍️ Ngọc Dương

**N**gày 08/10/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2019/NĐ-CP về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Theo đó, các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và cơ yếu) công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gồm: Phụ cấp thu hút; phụ cấp công tác lâu năm; trợ cấp lần đầu; trợ cấp tiên mua và vận chuyển nước ngọt và sạch; trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu; thanh toán tiền tàu xe; trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp lưu động và phụ cấp dạy tiếng dân tộc thiểu số đối với nhà giáo, viên chức quản lý giáo dục.

Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được Nghị định quy định gồm: Huyện đảo Trường Sa, Hoàng Sa, DK1; các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp... (gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang thuộc đối tượng áp dụng Nghị định bao gồm: Cán bộ, công chức, viên chức (kể cả người tập sự) trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến cấp xã; người làm việc theo chế độ hợp đồng

lao động trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; Sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương, công nhân công an và lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Công an nhân dân; người làm việc trong tổ chức cơ yếu; người làm việc trong chỉ tiêu biên chế trong các hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Về phụ cấp thu hút, được tính bằng 70% mức lương hiện hưởng (theo bảng lương do cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước quy định) cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

Về phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được tính hàng tháng theo mức lương cơ sở và thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã

hội đặc biệt khó khăn như sau: Mức 0,5 áp dụng đối với người có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 5 năm đến dưới 10 năm; mức 0,7 áp dụng đối với người có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 10 năm đến dưới 15 năm; mức 1,0 áp dụng đối với người có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 15 năm trở lên.

Về trợ cấp lần đầu, được tính bằng 10 tháng lương cơ sở tại thời điểm nhận công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trường hợp có gia đình cùng đến công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì ngoài trợ cấp lần đầu, còn được trợ cấp: Tiền tàu xe, cước hành lý cho các thành viên trong gia đình cùng đi tính theo giá vé, giá cước thực tế của phương tiện giao thông công cộng hoặc thanh toán theo mức khoán trên cơ sở số ki lô mét đi thực tế nhân với đơn giá phương tiện vận tải công cộng thông thường (tàu, thuyền, xe ô tô khách); trợ cấp 12 tháng lương cơ sở cho hộ gia đình.

Ngoài ra, Nghị định này còn quy định về trợ cấp tiên mua và vận chuyển nước ngọt và sạch; trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu; thanh toán tiền tàu xe; trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; phụ cấp ưu đãi theo nghề,...

Các khoản trợ cấp quy định nêu trên do cơ quan, tổ chức, đơn vị ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nơi tiếp nhận, bố trí công tác chi trả ngay khi đối tượng được hưởng nhận công tác và chỉ thực hiện một lần trong tổng thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2019. □

# TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN “XÂY DỰNG VĂN HÓA ỨNG XỬ TRONG TRƯỜNG HỌC GIAI ĐOẠN 2018 - 2025”

*✍ Thành Luân*

**B**ộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 1042/QĐ-LĐTBXH về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025”.

Kế hoạch nhằm tăng cường xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo; góp phần xây dựng con người Việt Nam yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Yêu cầu của Kế hoạch là bám sát nội dung của Đề án, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và địa phương trong việc triển khai Đề án, đảm bảo thời gian theo kế hoạch triển khai thực hiện của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; xác định nhiệm vụ cụ thể gắn với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương; đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc, chất lượng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp...

Trong giai đoạn 2019 - 2020, phấn đấu 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên toàn quốc xây dựng và thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trong trường học theo quy định quy tắc ứng xử do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, phù hợp với điều kiện và đặc trưng vùng miền của

mỗi nhà trường; 90% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tuyên truyền, phổ biến, học tập các vấn đề liên quan đến văn hóa ứng xử, môi trường văn hóa trong gia đình, nhà trường và cộng đồng; có ít nhất 90% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, đoàn thanh niên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng xử văn hóa và có năng lực tốt trong tổ chức giáo dục văn hóa ứng xử trong trường học; 90% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên toàn quốc đạt tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, thân thiện, góp phần xây dựng môi trường văn hóa trong nhà trường.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, phấn đấu 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tuyên truyền, phổ biến, học tập các vấn đề liên quan đến văn hóa ứng xử, môi trường văn hóa trong gia đình, nhà trường và cộng đồng; có ít nhất 95% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng xử văn hóa và có năng lực tốt trong tổ chức giáo dục văn hóa ứng xử trong trường học; 95% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên toàn quốc đạt tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, thân thiện,

góp phần xây dựng môi trường văn hóa trong nhà trường.

Để thực hiện được mục tiêu trên, Kế hoạch đưa ra các nội dung và giải pháp về: Tuyên truyền nâng cao nhận thức về xây dựng văn hóa ứng xử trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; xây dựng và thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trong trường học theo khung quy định chung đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đổi mới nội dung, phương thức, hình thức giáo dục văn hóa ứng xử trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; nâng cao năng lực ứng xử văn hóa và năng lực giáo dục văn hóa ứng xử; tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong xây dựng văn hóa ứng xử; công tác quản lý, kiểm tra, giám sát.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao nhiệm vụ: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu trình UBND cấp tỉnh Kế hoạch thực hiện triển khai Đề án tại địa phương; chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện Đề án trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn, định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục giáo dục nghề nghiệp).

Kế hoạch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/7/2019. □

# TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ XÃ HỘI, QUỸ TỪ THIỆN

 Ngọc Hiền

**N**gày 25/11/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

Theo đó, Quỹ xã hội là quỹ được tổ chức, hoạt động với mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, khoa học và phát triển nông nghiệp, nông thôn, không vì mục tiêu lợi nhuận. Quỹ từ thiện là quỹ được tổ chức, hoạt động với mục đích hỗ trợ khắc phục sự cố do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn và các đối tượng khác thuộc diện khó khăn, yếu thế cần sự trợ giúp của xã hội, không vì mục tiêu lợi nhuận.

Về nguyên tắc tổ chức và hoạt động, Quỹ được thành lập và hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận; tự nguyện, tự chủ, tự trang trải và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của mình; tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; công khai, minh bạch về tổ chức, hoạt động và thu, chi tài chính, tài sản của quỹ; không phân chia tài sản.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định nghiêm cấm lợi dụng việc thành lập và tổ chức các hoạt động của quỹ để thực hiện các hành vi sau: Thứ nhất, làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng; gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, khối đại đoàn kết dân tộc. Thứ hai, xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống, bản sắc dân

tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Thứ ba, tư lợi, gian dối về tài chính trong quá trình thành lập quỹ và quỹ hoạt động. Thứ tư, rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động trái pháp luật. Thứ năm, làm giả, tẩy xóa, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp giấy phép thành lập quỹ dưới bất kỳ hình thức nào. Thứ sáu, sử dụng ngân sách nhà nước, sử dụng hoặc hỗ trợ tài sản được ngân sách nhà nước giao hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để tham gia góp tài sản thành lập quỹ.

Về điều kiện cấp giấy phép thành lập quỹ, Nghị định quy định quỹ được cấp giấy phép khi đảm bảo các điều kiện sau: Có mục đích hoạt động; có sáng lập viên thành lập quỹ; Ban sáng lập quỹ có đủ số tài sản đóng góp để thành lập quỹ; hồ sơ thành lập quỹ được đảm bảo theo quy định.

Quỹ được hoạt động khi đủ các điều kiện sau: Có giấy phép thành lập và công nhận điều lệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Đã công bố về việc thành lập quỹ. Có văn bản xác nhận của ngân hàng nơi quỹ đăng ký mở tài khoản về số tiền mà từng sáng lập viên cam kết đóng góp để thành lập quỹ đã có đủ trong tài khoản của quỹ. Đối với tài sản khác, đã thực hiện việc chuyển quyền sở hữu tài sản theo quy định. Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ.

Nghị định cũng quy định rõ

những trường hợp quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập. Theo đó, quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập trong 02 trường hợp: Thứ nhất, quyết định chia, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ có hiệu lực. Thứ hai, sau khi được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ nhưng quỹ không thực hiện đúng quy định tại khoản 4, Điều 14 Nghị định này thì giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ hết hiệu lực. Trường hợp vì lý do khách quan thì trong thời hạn 10 ngày làm việc trước khi hết thời hạn theo quy định, Ban sáng lập quỹ phải có văn bản gửi cơ quan nhà nước đã cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ đề nghị gia hạn. Thời gian gia hạn chỉ thực hiện một lần và tối đa không quá 20 ngày làm việc, nếu quá thời gian gia hạn mà quỹ vẫn không thực hiện quy định tại khoản 4, Điều 14 Nghị định này thì giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ hết hiệu lực.

Trường hợp quỹ được thành lập theo quy định của pháp luật trước đây nhưng chưa kiện toàn theo quy định tại Nghị định này thì trong thời hạn 06 tháng kể từ khi Nghị định này có hiệu lực quỹ phải hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) và Hội đồng quản lý quỹ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2020 và thay thế Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện. □

## BẠN HỎI BAN BIÊN TẬP TRẢ LỜI

**Câu hỏi 1:** Pháp luật hiện hành quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm như thế nào?

**Trả lời:** Điều 7 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm (gọi tắt là Nghị định số 115/2018/NĐ-CP) quy định:

“1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện tăng cường vi chất dinh dưỡng là vitamin, khoáng chất, chất vi lượng thuộc danh mục bắt buộc phải tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm theo quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thay đổi mục đích sử dụng hoặc tái chế thực phẩm; hoặc buộc tiêu hủy thực phẩm đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.”

**Câu hỏi 2:** Pháp luật hiện hành quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về sử dụng dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm như thế nào?

**Trả lời:** Điều 8 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về sử dụng dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm như sau:

“1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dụng cụ,

vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, quy định an toàn thực phẩm tương ứng để sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm có chứa chất độc hại hoặc nhiễm chất độc hại để sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, chế biến thực phẩm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với vi phạm quy định tại Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thay đổi mục đích sử dụng hoặc tái chế; hoặc buộc tiêu hủy dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm đối với vi phạm quy định tại Điều này.”

**Câu hỏi 3:** Pháp luật hiện hành quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng người tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm mà không đội mũ, đeo khẩu trang như thế nào?

**Trả lời:** Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP quy định:

“Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm mà không đội mũ, đeo khẩu trang; không cất ngăn móng tay; đeo đồng hồ, vòng, lắc; ăn uống, hút thuốc, khạc nhổ trong khu vực sản xuất thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật

liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.”

Như vậy, hành vi sử dụng người tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm mà không đội mũ, đeo khẩu trang sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

**Câu hỏi 4:** Pháp luật hiện hành quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi bảo quản, vận chuyển, khai thác các loài thủy sản có xuất xứ từ cơ sở nuôi cấy thu hoạch, vùng nuôi thủy sản cấm thu hoạch như thế nào?

**Trả lời:** Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP quy định:

“Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi bảo quản, vận chuyển, khai thác các loài thủy sản có xuất xứ từ cơ sở nuôi cấy thu hoạch, vùng nuôi thủy sản cấm thu hoạch.”

Như vậy, hành vi bảo quản, vận chuyển, khai thác các loài thủy sản có xuất xứ từ cơ sở nuôi cấy thu hoạch, vùng nuôi thủy sản cấm thu hoạch sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm c, khoản 8 và khoản 9, Điều 11 Nghị định này hành vi bảo quản, vận chuyển, khai thác các loài thủy sản có xuất xứ từ cơ sở nuôi cấy thu hoạch, vùng nuôi thủy sản cấm thu hoạch cũng bị xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật và biện pháp khắc phục hậu quả là buộc thay đổi mục đích sử dụng hoặc tái chế thực phẩm hoặc buộc tiêu hủy lô hàng thủy sản không bảo đảm an toàn thực phẩm. □